

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích
phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24/1/2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09/6/2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 113/2006/TT-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 66/2006/NĐ-CP.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 04/TTr-SNN ngày 12/01/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 2: Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh, Chi nhánh Ngân

hàng Nhà nước tỉnh; Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế, Trưởng Ban Dân tộc, Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trương Tấn Thiện

Nơi nhận:

- Bộ NN& PTNT;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các P.CT;
- Như điều 2;
- Sở Tư pháp, LM các HTX;
- LĐVP, CV: SX, TT Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Lưu: VT (Hoàn-qd4-2010).

QUY ĐỊNH

**Một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển
ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2010/QĐ-UBND
ngày 03/02/2010 của UBND tỉnh).*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ ngành nghề nông thôn tại địa bàn nông thôn (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn), bao gồm:

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.
2. Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã.
3. Hộ kinh doanh cá thể đăng ký theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh.
4. Làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn.

Điều 3. Các hoạt động ngành nghề nông thôn

Các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định trong Quy định này, bao gồm:

1. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.
2. Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ.
3. Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn.
4. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
5. Nuôi trồng và kinh doanh sinh vật cảnh.
6. Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.
7. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề; tư vấn sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

Chương II CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH, HỖ TRỢ

Điều 4. Mặt bằng sản xuất

Ngoài các chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư theo quy định hiện hành của Chính phủ và quy định ưu đãi chung của UBND tỉnh, các cơ sở ngành nghề

nông thôn trên địa bàn tỉnh, nếu có dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh, địa phương còn được hưởng ưu tiên:

1. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu như: Điện, cấp thoát nước, đường giao thông, đến cụm cơ sở ngành nghề nông thôn.

2. Bố trí đủ nhu cầu về đất trong các khu công nghiệp, các cụm, điểm công nghiệp trong quy hoạch được duyệt khi có dự án sản xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hoàn thiện các thủ tục về đất đai, đầu tư và xây dựng theo quy định hiện hành để đảm bảo quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của chủ cơ sở ngành nghề nông thôn.

4. Được ưu tiên áp dụng khung giá đất thấp nhất trong đơn giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

5. Được miễn tiền thuê đất

a) Các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh nếu thuộc các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 3 Quy định này thì được miễn tiền thuê đất thêm 01 năm so với quy định về chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư cho các nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh ban hành tại Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 27/10/2008 của UBND tỉnh.

b) Phần diện tích đất cơ sở ngành nghề nông thôn sử dụng xây nhà chung cư cho công nhân đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất tại quyết định cho thuê đất của UBND tỉnh hoặc UBND cấp huyện.

Điều 5. Nguyên liệu để phục vụ sản xuất

1. Các cơ sở ngành nghề nông thôn có nhu cầu khai thác nguyên liệu thuộc tài nguyên khoáng sản được ưu tiên cấp phép khai thác và sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Được ưu tiên cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào cho các hoạt động chế biến nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Ưu đãi về thuế

1. Các cơ sở ngành nghề nông thôn được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được ưu tiên áp dụng khung và các nội dung miễn, giảm thuế quy định tại Quyết định số 72/2008/QĐ-UBND ngày 27/10/2008 của UBND tỉnh.

2. Các cơ sở ngành nghề nông thôn thuộc khoản 3, Điều 2 Quy định này được áp dụng chính sách khoán thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời hạn 5 năm đầu kể từ khi bắt đầu hoạt động để khuyến khích các chủ cơ sở ngành nghề nông thôn mở rộng quy mô sản xuất trong thời gian được khoán thuế, giảm thuế.

3. Thủ tục thực hiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, các cơ sở ngành nghề nông thôn tự xác định các điều kiện ưu đãi thuế, mức thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế, số lỗ được trừ vào thu nhập chịu thuế.

Điều 7. Về đầu tư, tín dụng

1. Ngân sách địa phương hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xử lý môi trường làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn (tối

đa không quá 60 % tổng vốn đầu tư). Nội dung và nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 113/2006/TT-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

2. Được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư (sau đây viết tắt là LSSĐT) theo quy định hiện hành, ngoài ra còn được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất trong 02 (hai) năm đầu khi thực hiện dự án đối với các dự án thuộc các nhóm ngành quy định tại khoản: 1, 2, 3 Điều 3 của Quy định này, mức lãi suất hỗ trợ cụ thể không quá 4 % /năm. Trình tự, thủ tục hỗ trợ LSSĐT thực hiện theo Quyết định số 58/2001/QĐ-TTg ngày 24/04/2001 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ LSSĐT và Thông tư số 51/2001/TT-BTC ngày 28/06/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 58/2001/ QĐ-TTg ngày 24/04/2001.

3. Ưu tiên xem xét cho vay vốn đầu tư phát triển sản xuất, giải quyết việc làm của các cơ sở ngành nghề nông thôn và nghề truyền thống từ nguồn vốn Quỹ đầu tư phát triển của tỉnh.

Điều 8. Xúc tiến thương mại

1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho các cơ sở ngành nghề nông thôn hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định hiện hành.

2. Hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở ngành nghề nông thôn để xây dựng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế do các hiệp hội ngành nghề quy định.

3. Các cơ sở ngành nghề nông thôn được giới thiệu sản phẩm miễn phí trên website của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Hỗ trợ 100 % kinh phí thuê gian hàng, đi lại, ăn nghỉ (tối đa không quá 02 gian hàng tiêu chuẩn và 02 nhân viên một cơ sở) cho các cơ sở ngành nghề nông thôn tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ, triển lãm trong nước.

Điều 9. Khoa học công nghệ

Khuyến khích và có chế độ ưu đãi đối với các nhà khoa học, các tổ chức, cơ sở và cá nhân nghiên cứu, ứng dụng các công trình, đề tài khoa học kỹ thuật để thúc đẩy sản xuất phát triển ngành nghề nông thôn cụ thể:

1. Khuyến khích các cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng trong, ngoài tỉnh và hướng tới xuất khẩu. Các cơ sở đầu tư áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất được Sở Khoa học và Công nghệ xem xét đánh giá tính hiệu quả của dự án để hỗ trợ một phần kinh phí và đề xuất cho vay vốn ưu đãi phát triển sản xuất.

2. Các nội dung hỗ trợ được thực hiện theo Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND ngày 27/11/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định hỗ trợ chuyển giao mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và đổi mới công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 10. Đào tạo nhân lực

Ngân sách tỉnh hỗ trợ toàn bộ kinh phí đào tạo lao động của cơ sở ngành nghề nông thôn được đào tạo tại trường dạy nghề, các trung tâm dạy nghề của tỉnh, các lớp dạy nghề, truyền nghề do các cá nhân, tổ chức, hội nghề nghiệp, đoàn thể có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề trong tỉnh tổ chức. Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 05 tháng và không quá 3 triệu đồng cho một lao động (bao gồm cả chi phí tổ chức lớp và hỗ trợ trực tiếp cho người lao động).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tham mưu UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho các cơ sở ngành nghề nông thôn.
2. Tham mưu UBND tỉnh cân đối, phân bổ nguồn ngân sách thực hiện hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 12. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Cục Thuế, UBND các huyện, thị xã đánh giá việc thực hiện các chính sách tài chính, tín dụng của Trung ương và của tỉnh, nếu thấy cần thiết điều chỉnh bổ sung, thì tham mưu UBND tỉnh xây dựng mới các chính sách nhằm phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn hoặc kiến nghị Trung ương.
2. Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các chương trình, dự án theo kế hoạch, quy hoạch được duyệt. Tham gia kiểm tra, giám sát, hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí dự án về phát triển ngành nghề nông thôn.
3. Tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh thực hiện hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn phát triển.

Điều 13. Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan nghiên cứu triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách giúp cho các cơ sở ngành nghề nông thôn tìm hiểu thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu với các thủ tục đơn giản và mức thuế ưu đãi nhất; đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, hỗ trợ các cơ sở ngành nghề quảng bá, giới thiệu sản phẩm và tham dự các hội chợ triển lãm trong nước và ngoài nước.
2. Triển khai thực hiện quản lý, quy hoạch các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.
3. Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng tham mưu UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách ưu tiên thực hiện đầu tư phát triển các ngành nghề có tiềm năng của tỉnh.

Điều 14. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Xây dựng chương trình, đề án hướng dẫn, khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn nghiên cứu đổi mới, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong quy trình sản xuất.
2. Tăng cường công tác chuyển giao, ứng dụng các dây chuyền, thiết bị

quy mô nhỏ và vừa vào sản xuất, từng bước thay thế các công nghệ lạc hậu để tăng năng suất, chất lượng, giá trị hàng hóa của các cơ sở ngành nghề nông thôn.

Điều 15. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Xây dựng đề án, kế hoạch đào tạo phù hợp với tình hình kinh tế, văn hóa xã hội của từng địa phương và nhu cầu của xã hội. Chú trọng vào công tác đào tạo, hướng dẫn tăng cường năng lực điều hành, kỹ năng lao động.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Lao động và quy định pháp luật có liên quan cho các cơ sở ngành nghề nông thôn và người lao động.

3. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, pháp luật đối với người sử dụng lao động và người lao động trong các cơ sở ngành nghề nông thôn.

Điều 16. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì xây dựng và thực hiện các dự án bảo vệ môi trường làng nghề, cụm cơ sở ngành nghề nông thôn, đồng thời thực hiện giải quyết triệt để các vấn đề về ô nhiễm môi trường hiện tại.

2. Đề xuất các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở ngành nghề nông thôn về đất đai, mặt bằng sản xuất, đảm bảo phát triển ổn định.

Điều 17. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc thực hiện tổng hợp tư liệu về nghề truyền thống của tỉnh.

2. Xây dựng các dự án bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống của tỉnh, kết hợp phát triển các điểm, tour du lịch sinh thái gắn với các làng nghề, nghề truyền thống.

Điều 18. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các địa phương tuyên truyền, hướng dẫn cụ thể hóa các chủ trương, chính sách về vay vốn, tín dụng của Nhà nước.

Điều 19. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã

1. Quy hoạch chi tiết, phát triển các làng nghề, ngành nghề nông thôn trên cơ sở quy hoạch của tỉnh; chỉ đạo cấp cơ sở lập các dự án phát triển các ngành nghề cụ thể.

2. Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn phục vụ cho phát triển ngành nghề nông thôn, tạo mặt bằng cho các cơ sở ngành nghề nông thôn phát triển.

3. Chỉ đạo các địa phương và các cơ sở ngành nghề nông thôn bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ sản xuất, vệ sinh môi trường trên địa bàn.

4. Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn các cơ sở ngành nghề nông thôn trong việc chấp hành pháp luật và các quy định của Nhà nước.

5. Tổng hợp nội dung, kế hoạch hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn hàng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp tham mưu UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 20. Các sở, ngành và các tổ chức chính trị xã hội có liên quan khác, căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được giao.

1. Tổ chức thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về vai trò, ý nghĩa của hoạt động ngành nghề nông thôn.

2. Thực hiện các hoạt động phù hợp hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn phát triển.

Điều 21. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn toàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện xây dựng các dự án phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Phối hợp với các sở, ngành liên quan, các địa phương tiến hành quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các hiệp hội ngành nghề triển khai thực hiện cung cấp thông tin thị trường, trao đổi kinh nghiệm quản lý, sản xuất, mua sắm trang thiết bị, tiêu thụ sản phẩm cho các cơ sở ngành nghề nông thôn.

4. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã để hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

Điều 22. Xử lý vi phạm và khen thưởng

Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các địa phương căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, tham mưu UBND tỉnh có hình thức: xử lý đối với những trường hợp vi phạm; khen thưởng kịp thời cho những cá nhân, đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Điều 23. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời kiến nghị bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trương Tấn Chiếu